

Bản án số: 144/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 6 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Châu Văn Dỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Ấp Hiệp T, xã H T, huyện N C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Kim L, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Ấp C N, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Phạm Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà L kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng, huyện Đ D, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nên ông T tài yêu cầu xin ly hôn với bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Phạm Thị Trúc L, sinh năm 2011 và Phạm Khánh L, sinh năm 2003. Hiện đối với cháu Khánh L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Trúc L đang sống với bà L, khi ly hôn ông T đồng ý giao cháu Trúc L cho bà L nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Ông T xác định không có nên không yêu cầu Tòa

án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Phạm Kim L: Quá trình Tòa án triệu tập bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Đức T và bà Phạm Kim L có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Tài thấy rằng, về nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông, bà bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mặt khác tại đơn xin xét xử vắng mặt bà L đồng ý ly hôn với ông T. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của ông Tài, cho ông Phạm Đức T được ly hôn với bà Phạm Kim L

[3] Về con chung: Đối với cháu Khánh L đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Trúc L, bà L xin nuôi con và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng cho đến khi cháu Trúc L tròn 18 tuổi.

Xét yêu cầu xin nuôi con của bà L thấy rằng, từ ngày ông, bà ly thân đến nay cháu Trúc Linh do bà Lùng nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển về thể chất lẫn tinh thần. Việc bà L xin nuôi cháu Trúc L cũng phù hợp với nguyện vọng cháu Trúc L nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L mỗi tháng 900.000 đồng cho đến khi cháu Trúc L tròn 18 tuổi, xét thấy yêu cầu trên là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông T có nghĩa vụ dưỡng nuôi cháu Trúc L mỗi tháng 900.000 đồng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ: Ông T và bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về án cấp dưỡng nuôi con: Ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Đức T. Cho ông Phạm Đức T được ly hôn với bà Phạm Kim L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Trúc L cho bà Phạm Kim L nuôi dưỡng. Ông Phạm Đức T có nghĩa vụ dưỡng nuôi cháu Trúc Linh mỗi tháng 900.000 đồng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Ông Phạm Đức T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Đức T phải chịu 300.000 đồng. Ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0001128 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, được chuyển thu.

4. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Đức T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Phạm Đức T và bà Phạm Kim L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- UBND xã Thanh Tùng, huyện Đ D;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến

